

Số: **65**/BC-UBND

Lai Châu, ngày **13** tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
thu, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐẾN Số: **68**
Ngày: **14/4/2018**
Chuyên: **Chánh Văn phòng UBND tỉnh**
Lưu hồ sơ số: **68**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài
chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ 6, về Dự toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn, thu, chi NSĐP và phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 1574/QĐ-
UBND ngày 08/12/2017 về Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa
phương năm 2018; Số 1575/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc giao dự toán
thu, chi ngân sách địa phương năm 2018.

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSĐP Quý I năm 2018. Ủy ban
nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự
toán thu, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2018 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSĐP quý I năm 2018

1. Cân đối ngân sách địa phương

- Tổng thu NSNN trên địa bàn: Thực hiện Quý I là 352.077 triệu đồng,
đạt 18% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017.

- Tổng chi NSĐP: Thực hiện Quý I là 1.906.942 triệu đồng, đạt 25% so
với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2017.

(Theo biểu chi tiết số 01 kèm theo).

2. Về thu NSĐP

a) Thu NSNN trên địa bàn: Thực hiện Quý I là 352.077 triệu đồng, đạt 18%
so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm:

- Thu nội địa: Thực hiện Quý I là 341.464 triệu đồng, đạt 18% so với dự
toán HĐND tỉnh giao, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước do TW quản lý: Thực hiện Quý I là 151.405 triệu đồng, đạt 13% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân đạt thấp do những tháng đầu năm vào mùa khô, trữ lượng nước lòng hồ tại các nhà máy thủy điện trên địa bàn đạt thấp, do đó hiệu suất phát máy của các nhà máy thủy điện chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ so với công suất thiết kế.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Thực hiện Quý I là 42.825 triệu đồng, đạt 14% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2017. Khoản thu đạt thấp do nguồn vốn đầu tư mới giao kế hoạch, một số công trình, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện năm 2018.

+ Lệ phí trước bạ: Thực hiện Quý I là 15.065 triệu đồng, đạt 27% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 79% so với cùng kỳ năm 2017. Khoản thu này đạt khá nguyên nhân trong Quý I hoạt động mua bán, chuyển nhượng nhà đất, đăng ký mới xe ô tô, xe máy tăng nên nguồn thu đạt khá cao.

+ Các khoản thu từ phí, lệ phí: Thực hiện Quý I là 24.900 triệu đồng, đạt 38% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2017. Các khoản thu từ phí, lệ phí đạt tỷ lệ cao chủ yếu từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

+ Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện Quý I là 44.466 triệu đồng, đạt 31% với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 55% so với cùng kỳ năm 2017. Tiến độ thu tiền sử dụng đất đạt khá so với dự toán HĐND tỉnh giao do phát sinh nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất vào cuối năm 2017 tại thành phố Lai Châu, huyện Mường Tè, Tam Đường thực nộp vào NSNN Quý I năm 2018.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện Quý I là 12.489 triệu đồng, vượt so với tổng dự toán HĐND tỉnh giao cả năm là 47% và tăng 10,2 lần so với cùng kỳ năm 2017. Do thực hiện tốt công tác đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản thu về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nợ đọng từ các năm trước nên số thu nộp ngân sách từ hoạt động này tăng cao.

+ Thu khác ngân sách: Thực hiện Quý I là 8.628 triệu đồng, đạt 22% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân số thu khác ngân sách đạt được là do thu từ việc đôn đốc các cơ quan đơn vị thực hiện các kết luận của Thanh tra, kiểm toán; thu xử phạt vi phạm hành chính và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Thực hiện Quý I là 10.613 triệu đồng, vượt so với dự toán HĐND tỉnh giao cả năm là 6%. Khoản thu này tăng

chủ yếu từ hoạt động nhập khẩu các thiết bị để lắp ráp các công trình thủy điện trên địa bàn.

b) Thu NSDP hưởng: Thực hiện Quý I là 325.023 triệu đồng, đạt 17% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017.

(Theo biểu chi tiết số 02 kèm theo).

3. Về chi NSDP

a) Chi cân đối NSDP: Thực hiện Quý I là 1.261.125 triệu đồng, đạt 22% so với HĐND tỉnh giao, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 239.206 triệu đồng, đạt 31% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,2% lần với cùng kỳ năm 2017.

- Chi thường xuyên: 1.021.919 triệu đồng, đạt 21% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017, Trong đó:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 85.992 triệu đồng, đạt 15% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2017;

+ Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 479.344 triệu đồng, đạt 21% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017;

+ Chi sự nghiệp Y tế: 143.835 triệu đồng, đạt 22% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017;

+ Chi sự nghiệp Khoa học & Công nghệ: 3.173 triệu đồng, bằng 38% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 22% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Chi sự nghiệp Văn hóa - TT, Thể dục - Thể thao: 8.541 triệu đồng, đạt 12% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2017;

+ Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình: 8.242 triệu đồng, bằng 17% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2017.

b) Chi thực hiện dự án chương trình MTQG: Thực hiện Quý I là 56.635 triệu đồng, đạt 13% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 82% so với cùng kỳ năm 2017.

c) Chi thực hiện một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Thực hiện Quý I là 589.182 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2017.

(Theo biểu chi tiết số 03 kèm theo).

II. Đánh giá chung tình hình thu, chi NSDP quý I năm 2018

1. Những kết quả đạt được:

- Về thu ngân sách: Bên cạnh việc tổ chức triển khai thực hiện các Luật Thuế đã ban hành, UBND tỉnh đã triển khai quyết liệt nhiều biện pháp ổn định kinh tế, tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và góp phần tăng thu NSNN. Đồng thời, tiếp tục rà soát, tăng cường chỉ đạo sâu sát công

tác thu ngân sách, tăng cường quản lý thu, kết hợp cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh thu nội địa, thu xuất nhập khẩu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế.

- Về chi ngân sách:

+ Việc điều hành chi NSDP Quý I được thực hiện theo nguyên tắc chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, hiệu quả; đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng dự toán được HĐND tỉnh giao. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện nghiêm có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Thực hiện triệt để chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý chi thường xuyên, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, nhất là các khoản chi như hội nghị, xăng dầu, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào...

+ Công tác giải ngân, thanh toán vốn được thực hiện khá tốt và được kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định.

2. Hạn chế, tồn tại:

- Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện quý I năm 2018 đạt 18%. Tiến độ thu NSNN trên địa bàn đạt thấp so với dự toán HĐND tỉnh giao là do đặc thù khí hậu những tháng đầu năm vào mùa khô, công suất phát máy của các nhà máy thủy điện đạt thấp đã tác động tới số thu NSNN trên địa bàn. Mặt khác một số nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu chưa được phân bổ trong Quý I dẫn đến tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt chưa cao.

- Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí mua sắm tài sản, sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất triển khai còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chi thường xuyên.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý I năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tống Thanh Hải



ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

(Số 65 /BC-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

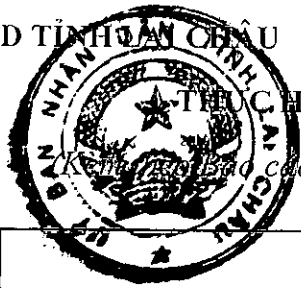
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.950.000	352.077	18%	114%
	<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	<i>1.869.020</i>	<i>325.023</i>	<i>17%</i>	<i>106%</i>
I	Thu cân đối NSNN	1.950.000	352.077	18%	114%
1	Thu nội địa	1.940.000	341.464	18%	111%
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	10.000	10.613	106%	
B	TỔNG CHI NSDP	7.728.775	1.906.942	25%	124%
I	Tổng chi cân đối NSDP	5.851.089	1.261.125	22%	122%
1	Chi đầu tư phát triển	769.420	239.206	31%	225%
2	Chi trả nợ lãi	300	0	0%	0%
3	Chi thường xuyên	4.924.629	1.021.919	21%	110%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0%	0%
5	Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	44.970	0	0%	0%
6	Dự phòng ngân sách	110.770	0	0%	0%
II	Chi thực hiện dự án chương trình MTQG	450.419	56.635	13%	82%
III	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	1.348.567	589.182	44%	136%
IV	Chi trả nợ gốc từ bội thu NSDP	68.700	0	0%	0%
V	Chi quản lý qua ngân sách	10.000	0	0%	0%

www.scantopdf.com

www.scantopdf.com

www.scantopdf.com

www.scantopdf.com



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

Số báo cáo số 65 /BC-UBND ngày 13 /4 /2018 của UBND tỉnh Lai Châu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.950.000	352.077	18%	114%
I	Thu nội địa	1.940.000	341.464	18%	111%
1	Thu từ DNNN do trung ương quản lý	1.150.000	151.405	13%	103%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	2.000	1.513	76%	134%
3	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	9.500	2.590	27%	58%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	316.700	42.825	14%	102%
5	Lệ phí trước bạ	56.000	15.065	27%	79%
6	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	7.111	30%	105%
7	Thuế bảo vệ môi trường	92.000	23.702	26%	105%
-	Ngân sách trung ương hưởng	57.800	14.884	26%	0%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	34.200	8.818	26%	39%
8	Thu phí, lệ phí	65.000	24.900	38%	121%
-	Ngân sách trung ương hưởng	2.500	573	23%	137%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	53.850	20.043	37%	117%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	8.650	4.284	50%	140%
9	Thu tiền sử dụng đất	142.500	44.466	31%	155%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	42.750	13.340	31%	155%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	99.750	31.126	31%	155%
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.000	223	3%	7%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	8.500	12.489	147%	1273%
-	Ngân sách trung ương hưởng	5.180	0	0%	0%
-	Ngân sách địa phương hưởng	3.320	12.489	376%	1273%
12	Thu khác ngân sách	40.000	8.628	22%	143%
-	Ngân sách trung ương hưởng	5.500	984	18%	105%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
-	Ngân sách tỉnh hưởng	20.800	4.407	21%	189%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	13.700	3.237	24%	117%
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	800	6	1%	3%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	26.000	6.541	25%	115%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	10.000	10.613	106%	0%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG	1.869.020	325.023	17%	106%

www.scantopdf.com



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018

Kèm theo Báo cáo số 65/BC-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Lai Châu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	7.728.775	1.906.942	25%	124%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	5.851.089	1.261.125	22%	122%
I	Chi đầu tư phát triển	769.420	239.206	31%	225%
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	540.920	222.983	41%	215%
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.500	11.539	8%	0%
3	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	26.000	4.684	18%	187%
4	Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao	60.000	0	0%	0%
II	Chi trả nợ lãi	300	0	0%	0%
III	Chi thường xuyên	4.924.629	1.021.919	21%	110%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	579.958	85.992	15%	111%
2	Chi giáo dục - đào tạo	2.244.944	479.344	21%	112%
3	Chi sự nghiệp y tế	642.113	143.835	22%	115%
4	Chi khoa học và công nghệ	8.263	3.173	38%	22%
5	Chi sự nghiệp Văn hóa - TT, thể dục - thể thao	73.113	8.541	12%	104%
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	48.328	8.242	17%	136%
7	Chi bảo đảm xã hội	73.067	17.693	24%	85%
8	Chi quản lý hành chính	594.289	116.401	20%	99%
9	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	144.372	50.812	35%	143%
10	Chi ngân sách xã	476.669	92.767	19%	109%
11	Chi khác ngân sách	39.513	15.119	38%	174%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0%	0%
V	Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	44.970	0	0%	0%
VI	Dự phòng ngân sách	110.770	0	0%	0%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I/2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<u>B</u>	<u>CHI THỰC HIỆN DỰ ÁN CT MTOG</u>	<u>450.419</u>	<u>56.635</u>	<u>13%</u>	<u>82%</u>
<u>C</u>	<u>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC</u>	<u>1.348.567</u>	<u>589.182</u>	<u>44%</u>	<u>136%</u>
<u>D</u>	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>68.700</u>	<u>0</u>	<u>0%</u>	<u>0%</u>
<u>E</u>	<u>CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH</u>	<u>10.000</u>	<u>0</u>	<u>0%</u>	<u>0%</u>

www.scantopdf.com